BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT
Số: 402/TB-ĐHPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bình Thuận, ngày 24 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT
NĂM HỌC 2024 - 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT
- Tên tiếng Anh: UNIVERSITY OF PHAN THIET

2. Địa chỉ trụ sở chính

- Địa chỉ: Khu phố 5, phường Phú Hài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Các thông tin cổng thông tin điện tử:

+ Điện thoại: 02522 461 372 – 02522 461 373.

+ Website: http://www.upt.edu.vn

+ Email: dhphanthiet@upt.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường đại học tư thục

3.1 Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

3.2 Danh sách nhà đầu tư

https://upt.edu.vn/nha-dau-tu/

3.3 Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Trường

https://upt.edu.vn/triet-ly-giao-duc/

3.4 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Trường

https://upt.edu.vn/gioi-thieu-chung/

3.5 Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: PGS.TS Võ Khắc Thường

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Khu phố 5, phường Phú Hài, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

Số điện thoại: 02526 283838

Địa chỉ thư điện tử: thuong@upt.edu.vn, thuongvk@upt.edu.vn

3.6 Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập Trường

Trường Đại học Phan Thiết được thành lập theo Quyết định số 394/QĐ-TTg ngày 25/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Hội đồng trường Trường Đại học Phan Thiết nhiệm kỳ 2023-2028 được Hội nghị Nhà đầu tư công nhận theo Nghị quyết số 04NQ/NĐT-ĐHPT ngày 10/09/2023 và thành lập theo Quyết định số 573/QĐ-ĐHPT-NĐT ngày 28/9/2023 của Nhà đầu tư Trường Đại học Phan Thiết, gồm 09 thành viên: https://upt.edu.vn/hoi-dong-truong/.

c) Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Ban Giám hiệu Trường Đại học Phan Thiết nhiệm kỳ 2023-2028 được Hội nghị Nhà đầu tư công nhận theo Nghị quyết số 05NQ/NĐT-ĐHPT ngày 24/12/2023 và được Hội đồng trường bổ nhiệm gồm 04 thành viên: https://upt.edu.vn/ban-giam-hieu/.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường và của các đơn vị thuộc, trực thuộc; sơ đồ tổ chức bộ máy của Trường

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường: https://upt.edu.vn/cong-khai-giao-duc/qd-di-134-ban-hanh-quy-che-to-chuc-va-hoat-dong-cua-truong-dhpt/.

- Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường: https://upt.edu.vn/cong-khai-giao-duc/qd-di-138-bh-quy-dinh-chuc-nang-nhiem-vu-cac-don-vi-truong-dhpt/.

- Cơ cấu tổ chức: https://upt.edu.vn/gioi-thieu/so-do-to-chuc/.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo Trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc.

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	Email
1. Hiệu trưởng	Võ Khắc Thường	PGS.TS	02526 283838	thuong@upt.edu.vn thuongvk@upt.edu.vn
2. Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Phước Quý Quang	TS, Phó Hiệu trưởng	02526 283 838	nguyenphuocquyquang@gmail.com
	Đinh Phi Hổ	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	02526 283 838	dpho@upt.edu.vn
	Võ Khắc Trường Thanh	TS, Phó Hiệu trưởng	02526 283 838	vtkthanh@upt.edu.vn
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn,…				
Đảng ủy	Đinh Phi Hổ	PGS.TS, Bí thư Đảng ủy	02526 283 838	dpho@upt.edu.vn
Công đoàn	Lâm Ngọc Điệp	ThS, Chủ tịch Công đoàn	02526 283 838	lndiep@upt.edu.vn
Đoàn thanh niên	Lê Ngọc Duy	ThS, Bí thư Đoàn	02526 283 838	lnduy@upt.edu.vn
4. Các đơn vị thuộc và trực thuộc				
Phòng Tổ chức – Hành chính	Lê Anh Linh	ThS, Trưởng phòng	02526 533 969	lalinh@upt.edu.vn
Phòng Quản lý Đào tạo	Võ Khắc Trường Thi	TS, Trưởng phòng	02522 416 373	thivkt@upt.edu.vn
Phòng Kế hoạch – Tài chính	Nguyễn Anh Đông	CN, Kế toán trường	02526 288 988	nadong@upt.edu.vn
Phòng Công tác chính trị sinh viên & Hợp tác doanh nghiệp	Nguyễn Như Trường	ThS, Trưởng phòng	02526 278 383	nntruong@upt.edu.vn

Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng, Thanh tra và Pháp chế	Nguyễn Thị Kiều Vi	ThS, Trưởng phòng	02526 514 415	nkvi@upt.edu.vn
Phòng Quản lý khoa học & Hợp tác quốc tế	Trần Tình	TS, Trưởng phòng	02526 278 282	ttinh@upt.edu.vn
Phòng Quản lý và Phát triển dự án	Nguyễn Phước Quý Quang	TS, Trưởng phòng	02526 283 838	nguyenphuocquyquang@gmail.com
Trung tâm Phát triển nguồn nhân lực	Phạm Thị Minh Hạnh	TS, Giám đốc	02526 289 888	ptmhanh@upt.edu.vn
Khoa Cơ bản	Nguyễn Minh Tâm	TS, Trưởng khoa	02526 271 188	nmtam@upt.edu.vn
Khoa Luật kinh tế	Phạm Ngọc Thắng	TS, Trưởng khoa	02526 271 166	pnthang@upt.edu.vn
Khoa Công nghệ thông tin	Võ Quốc Tuấn	ThS, Phó Trưởng khoa	02526 521 808	vqtuan@upt.edu.vn
Khoa Ngoại ngữ	Trịnh Thanh Toản	TS, Trưởng khoa	02522 461 375	tttoan@upt.edu.vn
Khoa Quản trị kinh doanh	Hoàng Thanh Liêm	TS, Trưởng khoa	02522 461 374	htliem@upt.edu.vn
Khoa Du lịch	La Nữ Ánh Vân	TS, Phó Trưởng khoa	02526 272 929	lnavan@upt.edu.vn
Khoa Tài chính – Kế toán – Ngân hàng	Nguyễn Hữu Quyền	TS, Trưởng khoa	02522 461 370	nhquyen@upt.edu.vn
Khoa Kỹ thuật Công nghệ	Nguyễn Tấn Ý	TS, Trưởng khoa	02526 282 424	nty@upt.edu.vn
Khoa Khoa học sức khỏe	Nguyễn Văn Thành	BS CKII, Trưởng khoa	02526 271 838	nvthanh@upt.edu.vn
Tạp chí khoa học	Tạ Hoàng Giang	TS, Tổng biên tập	0252 627 8282	thgiang@upt.edu.vn

4. Hệ thống các văn bản, quy định, quy chế nội bộ

https://upt.edu.vn/chuyen-muc/cong-khai-giao-duc/

5. Thu, chi tài chính

5.1 Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề

a. Các khoản thu

ĐVT: tỷ đồng

	CHỈ SỐ THỐNG KÊ	Năm 2024
A	**TỔNG THU HOẠT ĐỘNG**	**60,86**
I	**Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/Nhà đầu tư**	**0**
II	**Thu giáo dục và đào tạo**	**60,14**
1	Học phí, lệ phí từ người học	59,96
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0,18
4	Thu khác	0
III	**Thu khoa học và công nghệ**	**0,26**
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0
3	Thu khác	0,26
IV	**Thu nhập khác (thu nhập ròng)**	**0,46**

b. Các khoản chi

ĐVT: tỷ đồng

	CHỈ SỐ THỐNG KÊ	Năm 2024
B	**TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG**	**42,92**
I	**Chi lương, thu nhập**	**24,8**
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	17,36
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	7,44
II	**Chi cơ sở vật chất và dịch vụ**	**13,07**
1	Chi cho đào tạo	5,93
2	Chi cho nghiên cứu	0,52
3	Chi cho phát triển đội ngũ	0,07
4	Chi phí chung và chi khác	6,55
III	**Chi hỗ trợ người học**	**3,27**
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	3,27
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0
3	Chi hoạt động khác	0
IV	**Chi khác**	**1,78**

c. Số dư các quỹ theo quy định

ĐVT: tỷ đồng

	CHỈ SỐ THỐNG KÊ	Năm 2024
1	Quỹ khen thưởng	0,317
2	Quỹ phúc lợi	0,450

5.2 Các khoản thu và mức thu học phí

STT	Học phí chính quy chương trình đại trà	Đơn vị tính	Học phí/1SV/1 năm học 2024-2025	Dự kiến học phí sinh viên cả khoá học
I	**Thạc sĩ**			
1	Quản trị kinh doanh	Triệu đồng/năm	44	66
2	Luật kinh tế	Triệu đồng/năm	44	66
3	Ngôn ngữ Anh	Triệu đồng/năm	44	66
II	**Đại học**			
1	Quản trị kinh doanh	Triệu đồng/năm	24,3	85,0
2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Triệu đồng/năm	24,3	85,0
3	Luật	Triệu đồng/năm	22,7	79,5
4	Luật kinh tế	Triệu đồng/năm	22,7	79.5
5	Tài chính ngân hàng	Triệu đồng/năm	24,2	84,6
6	Kế toán	Triệu đồng/năm	24,2	84,6
7	Công nghệ thông tin	Triệu đồng/năm	25,6	89,7
8	Truyền thông đa phương tiện	Triệu đồng/năm	25,7	89,8
9	Quản trị khách sạn	Triệu đồng/năm	26,2	91,8
10	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Triệu đồng/năm	26,1	91,3
11	Quản trị nhà hàng và ăn uống	Triệu đồng/năm	26,0	91,1
12	Ngôn ngữ Anh	Triệu đồng/năm	26,4	92,5
13	Kỹ thuật cơ khí	Triệu đồng/năm	30,6	122,3
14	Kỹ thuật ô tô	Triệu đồng/năm	28,7	114,8
15	Kỹ thuật Xây dựng	Triệu đồng/năm	28,7	114,8
16	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Triệu đồng/năm	25,8	103,3

5.3 Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm đối với người học

a. Danh mục các văn bản về chính sách đối với người học

Quyết định số 09/QĐ-ĐHPT ngày 04/01/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết Ban hành Quy định học bổng tuyển sinh Đối với sinh viên Đại học hệ chính quy năm học 2024-2025.

b. Kết quả thực hiện chính sách

- Quyết định số 672/QĐ-ĐHPT ngày 28/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết Ban hành mức học bổng "Học bổng Tinh hoa" cho thí sinh trúng tuyển vào trường Đại học Phan Thiết năm 2024.

- Quyết định số 673/QĐ-ĐHPT ngày 28/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết Ban hành mức học bổng "Học bổng Tài năng" cho thí sinh trúng tuyển vào trường Đại học Phan Thiết năm 2024.

- Quyết định số 674/QĐ-ĐHPT ngày 28/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết Ban hành mức học bổng "Học bổng Đồng hành" cho thí sinh trúng tuyển vào trường Đại học Phan Thiết năm 2024.

- Quyết định số 675/QĐ-ĐHPT ngày 28/11/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết Ban hành mức học bổng "Học bổng Ươm mầm" cho thí sinh trúng tuyển vào trường Đại học Phan Thiết năm 2024.

- Quyết định số 504/QĐ-ĐHPT ngày 16/9/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết về việc khen thưởng cho sinh viên đạt kết quả cao trong học tập năm học 2023-2024.

II. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU

1. Thông tin về mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học

https://upt.edu.vn/chuyen-muc/ket-qua-thuc-hien-chuan-csgddh-tt01-2024-bgddt/

2. Thông tin về ngành, chương trình đào tạo và các kỳ thi cấp chứng chỉ

2.1 Danh mục ngành đào tạo đang hoạt động

a. Số ngành đang hoạt động đào tạo các trình độ tại trường

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Cơ quan ban hành	Ghi chú
I	**Trình độ đại học:**					
1	Tài chính - Ngân hàng	7340201	4396/QĐ-BGDĐT	30/06/2009	Bộ GDĐT	QĐ chuyển đổi tên ngành số 895QĐ-BGDĐT ngày 13/03/2018)
2	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	1955/QĐ-BGDĐT	14/07/2022	Bộ GDĐT	
3	Ngôn ngữ Anh	7220201	4396/QĐ-BGDĐT	30/06/2009	Bộ GDĐT	QĐ chuyển đổi tên ngành số 895QĐ-BGDĐT ngày 13/03/2018)
4	Kỹ thuật cơ khí	7520103	159/QĐ-ĐHPT	23/03/2023	Trường ĐH Phan Thiết	
5	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	51/QĐ-ĐHPT	07/04/2020	Trường ĐH Phan Thiết	
6	Công nghệ thông tin	7480201	4396/QĐ-BGDĐT	30/06/2009	Bộ GDĐT	QĐ chuyển đổi tên ngành số 895QĐ-BGDĐT ngày 13/03/2018)
7	Quản trị kinh doanh	7340101	4396/QĐ-BGDĐT	30/06/2009	Bộ GDĐT	QĐ chuyển đổi tên ngành số 895QĐ-BGDĐT ngày 13/03/2018)
8	Kỹ thuật xây dựng	7580201	398/QĐ-ĐHPT	29/10/2020	Trường ĐH Phan Thiết	
9	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	618/QĐ-BGDĐT	14/12/2012	Bộ GDĐT	
10	Kỹ thuật ô tô	7520130	293/2021/QĐ-ĐHPT	19/09/2021	Trường ĐH Phan Thiết	
11	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	7810202	63/QĐ-ĐHPT	28/04/2020	Trường ĐH Phan Thiết	
12	Truyền thông đa phương tiện	7320104	97/QĐ-ĐHPT	03/03/2021	Trường ĐH Phan Thiết	

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Cơ quan ban hành	Ghi chú
13	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	53/QĐ-ĐHPT	07/04/2020	Trường ĐH Phan Thiết	
14	Luật kinh tế	7380107	1706/QĐ-BGDĐT	19/05/2016	Bộ GDĐT	QĐ chuyển đổi tên ngành số 895QĐ-BGDĐT ngày 13/03/2018)
15	Quản trị khách sạn	7810201	618/QĐ-BGDĐT	14/02/2012	Bộ GDĐT	QĐ chuyển đổi tên ngành số 895QĐ-BGDĐT ngày 13/03/2018)
16	Luật	7380101	118/QĐ-ĐHPT	21/03/2021	Trường ĐH Phan Thiết	
17	Kế toán	7340301	4396/QĐ-BGDĐT	30/06/2009	Bộ GDĐT	QĐ chuyển đổi tên ngành số 895QĐ-BGDĐT ngày 13/03/2018)
II	**Trình độ thạc sĩ:**					
1	Quản trị kinh doanh	8340101	3404/QĐ-BGDĐT	03/09/2015	Bộ GDĐT	QĐ chuyển đổi tên ngành số 895QĐ-BGDĐT ngày 13/03/2018)
2	Ngôn ngữ Anh	8220201	328/QĐ-ĐHPT	19/10/2021	Trường ĐH Phan Thiết	
3	Luật kinh tế	8380107	362/QĐ-ĐHPT	07/09/2022	Trường ĐH Phan Thiết	

b. Thông tin chi tiết theo yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo

Trong tất cả các ngành được phép tuyển sinh và đào tạo hiện nay có 18 ngành trình độ đại học (có 3 ngành tạm dừng tuyển sinh: Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kinh doanh quốc tế và Truyền thông đa phương tiện) và 03 ngành trình độ thạc sĩ. Trong đó, có 11 ngành do Trường Đại học Phan Thiết ra quyết định tự chủ mở ngành và tổ chức đào tạo, Các ngành

còn lại được triển khai đào tạo là do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) ra quyết định cho phép tuyển sinh và đào tạo.

Trong quá trình triển khai thực hiện và duy trì các ngành đào tạo, Trường đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT về đội ngũ giảng viên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo và duy trì ngành:

- Có ít nhất 1 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên.

- Có ít nhất 5 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đào tạo đều có giảng viên chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy

- Có đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo đảm bảo ít nhất 2 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm.

2.2 Danh mục chương trình đào tạo cơ sở giáo dục đang thực hiện

a. Danh mục chương trình đào tạo đang thực hiện

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình đào tạo
Trình độ Đại học			
01	7480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin
02	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
03	7340301	Kế toán	Kế toán
04	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
05	7520130	Kỹ thuật ô tô	Kỹ thuật ô tô
			Chuyên ngành Cơ điện tử ô tô
			Chuyên ngành Công nghệ ô tô điện
06	7340107	Luật kinh tế	Luật kinh tế

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình đào tạo
Trình độ Đại học			
			Luật thương mại quốc tế
07	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh
			Chuyên ngành Giảng dạy Tiếng Anh
			Chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch
			Chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại
08	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống
09	7810201	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn
10	7340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
			Chuyên ngành Marketing
			Chuyên ngành Marketing và Truyền thông tích hợp
			Chuyên ngành Kinh doanh thời trang và Dệt may
11	7340201	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính – Ngân hàng
12	7380101	Luật	Luật
13	7580201	Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng
			Chuyên ngành Kỹ thuật Xây dựng cầu đường
14	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Kỹ thuật xét nghiệm y học
15	7520103	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật cơ khí
			Chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy
			Chuyên ngành Robot và Trí tuệ nhân tạo
			Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
Trình độ Thạc sĩ			
1	8340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
2	8220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh
3	8380107	Luật kinh tế	Luật kinh tế

b. Thông tin chi tiết theo yêu cầu chuẩn chương trình đào tạo (chuẩn đầu ra, chuẩn đầu vào, các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo) xem tại https://pdt.upt.edu.vn/chuong-trinh-

dao-tao.html và mẫu văn bằng, chứng chỉ cấp cho người tốt nghiệp cho từng trình độ, ngành và hình thức đào tạo xem tại: https://upt.edu.vn/gioi-thieu/mau-phoi-bang/

3. Thông tin về đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a. Số lượng cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm

STT	Vị trí việc làm	Số lượng
1	Hiệu trưởng	01
2	Phó Hiệu Trưởng	03
3	Trưởng phòng, khoa và tương đương	15
4	Phó Trưởng phòng, khoa và tương đương	14
5	Nhân viên	57

b. Số lượng giảng viên toàn thời gian của Trường

STT	Họ tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Chuyên môn giảng dạy
Ngành Công nghệ thông tin					
1	Nguyễn Duy Tài	22/01/1978	Nam	TS	Công nghệ thông tin
2	Trần Anh Khoa	03/06/1982	Nam	TS	Công nghệ thông tin
3	Hồ Trọng Việt	23/02/1983	Nam	TS	Công nghệ thông tin
4	Nguyễn Tấn Ý	10/08/1988	Nam	TS	Công nghệ thông tin
5	Nguyễn Như Nam	01/01/1954	Nam	TS	Công nghệ thông tin
6	Đỗ Thị Kim Dung	12/04/1983	Nữ	ThS	Công nghệ thông tin
7	Nguyễn Hữu Tiến	12/06/1992	Nam	ThS	Công nghệ thông tin
8	Võ Quốc Tuấn	01/10/1978	Nam	ThS	Công nghệ thông tin
9	Lương Quốc Vũ	13/06/1992	Nam	ThS	Công nghệ thông tin
10	Mai Hoàng Dung	04/09/1992	Nữ	ThS	Công nghệ thông tin

11	Nguyễn Thị Kiều Vi	11/06/1989	Nữ	ThS	Công nghệ thông tin
12	Võ Đức Tư Duy	10/02/1992	Nam	NCS. ThS	Công nghệ thông tin
13	Nguyễn Hải Đăng	10/07/1986	Nam	ThS	Công nghệ thông tin
14	Trần Văn Cường	13/08/1982	Nam	ThS	Công nghệ thông tin
15	Lê Trác Trung Hoài	05/04/1980	Nam	ThS	Công nghệ thông tin
16	Võ Duy Phong	30/08/1975	Nam	ThS	Công nghệ thông tin
17	Lê Văn Sáng	30/10/1989	Nam	ThS	Công nghệ thông tin
18	Lê Trung Thành	13/03/1995	Nam	ThS	Công nghệ thông tin
Ngành Quản trị dịch vụ du lịch & Lữ hành					
1	La Nữ Ánh Vân	12/07/1957	Nữ	TS	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành
2	Võ Khắc Trường Thanh	15/12/1984	Nam	TS	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành
3	Võ Khắc Trường Thi	21/09/1983	Nam	TS	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành
4	Phạm Thị Minh Hạnh	06/03/1965	Nữ	TS	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành
5	Trần Ngọc Dũng	15/09/1975	Nam	TS	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành
6	Đỗ Quốc Giang	01/11/1989	Nam	ThS	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành
7	Nguyễn Thị Minh Nga	20/01/1982	Nữ	ThS	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành
8	Đỗ Thị Hoàng Yến	18/02/1991	Nữ	ThS	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành
9	Nguyễn Thanh Tùng	08/04/1968	Nam	ThS	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành

10	Huỳnh Thị Anh Thy	14/10/1996	Nữ	ThS	Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành
11	Lưu Thắng Lợi	03/08/1986	Nam	ThS	Quản trị khách sạn
12	Phan Minh Mẫn	08/09/1991	Nam	ThS	Quản trị khách sạn
Ngành Quản trị khách sạn					
1	Trần Ngọc Dũng	15/09/1975	Nam	TS	Quản trị khách sạn
2	Võ Khắc Trường Thanh	15/12/1984	Nam	TS	Quản trị khách sạn
3	Võ Khắc Trường Thi	21/09/1983	Nam	TS	Quản trị khách sạn
4	Trần Thị Quỳnh Lê	10/06/1969	Nữ	TS	Quản trị khách sạn
5	Bùi Quang Minh	01/04/1977	Nam	TS	Quản trị khách sạn
6	Lê Vũ Lâm	02/04/1986	Nam	ThS	Quản trị khách sạn
7	Võ Văn Quốc Năm	27/06/1984	Nam	ThS	Quản trị khách sạn
8	Lương Ngọc Thuận	01/02/1985	Nam	ThS	Quản trị khách sạn
9	Huỳnh Văn Thương	11/05/1990	Nam	ThS	Quản trị khách sạn
10	Phạm Văn Vui	17/02/1981	Nam	ThS	Quản trị khách sạn
11	Phạm Ngọc Điệp	10/05/1983	Nữ	ThS	Quản trị khách sạn
12	Nguyễn Kim Long	18/12/1991	Nam	ThS	Quản trị khách sạn
13	Nguyễn Như Trường	27/08/1988	Nam	ThS	Quản trị khách sạn
14	Thái Thị Tuyết Hòa	20/08/1995	Nữ	ThS	Quản trị khách sạn
15	Đinh Thị Kim Chi	04/031994	Nữ	ThS	Quản trị khách sạn
16	Nguyễn Hữu Hà	13/11/1992	Nam	CN	Quản trị khách sạn
17	Phạm Ngọc Linh Chi	29/03/1997	Nữ	CN	Quản trị khách sạn
18	Nguyễn Thị Thanh Tâm	29/03/2000	Nữ	CN	Quản trị khách sạn
19	Võ Thị Thanh Thùy	08/05/2002	Nữ	CN	Quản trị khách sạn

Ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống					
1	Võ Quang Vinh	20/04/1957	Nam	TS	Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống
2	Võ Khắc Trường Thanh	15/12/1984	Nam	TS	Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống
3	Võ Khắc Trường Thi	21/09/1983	Nam	TS	Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống
4	Phạm Thị Minh Hạnh	06/03/1965	Nữ	TS	Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống
5	Trần Ngọc Dũng	15/09/1975	Nam	TS	Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống
6	Giang Sỹ Chung	03/11/1989	Nam	ThS	Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống
7	Nguyễn Thúy Anh Thư	05/06/1982	Nữ	ThS	Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống
8	Nguyễn Văn Thế	29/02/1984	Nam	ThS	Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống
9	Lưu Mỹ Ngọc	02/01/1995	Nữ	ThS	Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống
Ngành Kế toán					
1	Nguyễn Tấn Hoàng	09/11/1960	Nam	TS	Kế toán
2	Võ Khắc Trường Thanh	15/12/1984	Nam	TS	Kế toán
3	Võ Khắc Trường Thi	21/09/1983	Nam	TS	Kế toán
4	Bùi Quang Minh	01/04/1977	Nam	TS	Kế toán
5	Đinh Phi Hổ	17/07/1957	Nam	PGS.TS	Kế toán
6	Nguyễn Thị Toàn	16/06/1991	Nữ	ThS	Kế toán
7	Bùi Thị Nhân	17/06/1983	Nữ	ThS	Kế toán

8	Lê Thị Tú Trinh	23/08/1993	Nữ	ThS	Kế toán
9	Trần Thị Hồng Diễm	23/03/1994	Nữ	ThS	Kế toán
10	Nguyễn Thị Thảo	16/03/1992	Nữ	ThS	Kế toán
11	Đỗ Thị Minh Quyền	10/10/1994	Nữ	ThS	Kế toán
12	Nguyễn Ngọc Diệu	11/05/1990	Nữ	ThS	Kế toán
13	Võ Mai Thanh Trâm	17/08/1989	Nữ	ThS	Kế toán
14	Nguyễn Thị Bích Thủy	18/08/1966	Nữ	ThS	Kế toán
15	Phan Thị Thanh Thúy	11/11/1992	Nữ	ThS	Kế toán
16	Vũ Thụy Diễm Chi	12/07/1992	Nữ	ThS	Kế toán
17	Lê Anh Linh	17/10/1987	Nam	ThS	Kế toán
18	Trần Phúc Ngôn	23/02/1993	Nam	ThS	Kế toán
19	Lê Ngọc Duy	09/10/1996	Nam	ThS	Kế toán
Ngành Tài chính – Ngân hàng					
1	Nguyễn Hữu Quyền	04/01/1966	Nam	TS	Tài chính – Ngân hàng
2	Võ Khắc Trường Thi	21/09/1983	Nam	TS	Tài chính – Ngân hàng
3	Võ Khắc Trường Thanh	15/12/1984	Nam	TS	Tài chính – Ngân hàng
4	Bùi Quang Minh	01/04/1977	Nam	TS	Tài chính – Ngân hàng
5	Đặng Văn Tuyến	26/05/1943	Nam	TS	Tài chính – Ngân hàng
6	Lưu Trọng Lâm	19/06/1956	Nam	ThS	Tài chính – Ngân hàng
7	Trần Thị Phượng	20/08/1952	Nữ	ThS	Tài chính – Ngân hàng
8	Huỳnh Ngọc Tuấn	24/09/1990	Nam	ThS	Tài chính – Ngân hàng
9	Nguyễn Anh Thư	23/05/1987	Nữ	ThS	Tài chính – Ngân hàng
10	Võ Mỹ Duyên	26/07/1991	Nữ	ThS	Tài chính – Ngân hàng
11	Nguyễn Thị Hải Bình	22/12/1988	Nữ	ThS	Tài chính – Ngân hàng

12	Đào Thị Kim Anh	12/06/1987	Nữ	ThS	Tài chính – Ngân hàng
13	Thanh Thị Vân Kiều	24/05/1990	Nữ	ThS	Tài chính – Ngân hàng
Ngành Quản trị kinh doanh					
1	Đinh Phi Hổ	17/07/1957	Nam	PGS.TS	Quản trị kinh doanh
2	Đặng Văn Tuyến	26/05/1943	Nam	PGS.TS	Quản trị kinh doanh
3	Nguyễn Hồng Đàm	02/081939	Nam	PGS.TS	Quản trị kinh doanh
4	Nguyễn Trung Vãn	15/07/1946	Nam	PGS.TS	Quản trị kinh doanh
5	Đỗ Văn Thành	02/02/1946	Nam	PGS.TS	Quản trị kinh doanh
6	Lương Thị Sao Băng	12/03/1976	Nữ	TS	Quản trị kinh doanh
7	Bùi Quang Minh	01/04/1977	Nam	TS	Quản trị kinh doanh
8	Võ Khắc Trường Thanh	15/12/1984	Nam	TS	Quản trị kinh doanh
9	Võ Khắc Trường Thi	21/09/1983	Nam	TS	Quản trị kinh doanh
10	Hoàng Thanh Liêm	21/04/1978	Nam	TS	Quản trị kinh doanh
11	Lâm Ngọc Điệp	29/09/1958	Nữ	ThS	Quản trị kinh doanh
12	Võ Đức Nhân	15/12/1979	Nam	ThS	Quản trị kinh doanh
13	Nguyễn Xuân Viễn	04/03/1989	Nam	ThS	Quản trị kinh doanh
Ngành Luật kinh tế					
1	Phạm Văn Chắt	21/06/1945	Nam	TS	Luật kinh tế
2	Vũ Nhữ Thăng	29/09/1973	Nam	TS	Luật kinh tế
3	Đào Bảo Ngọc	06/09/1977	Nữ	TS	Luật kinh tế
4	Lê Hoàng Tấn	27/03/1968	Nam	TS	Luật kinh tế
5	Phạm Ngọc Thắng	10/02/1976	Nam	TS	Luật kinh tế
6	Nguyễn Thị Bích Phượng	10/02/1985	Nữ	NCS. ThS	Luật kinh tế
7	Trần Thị Cẩm Vân	11/10/1989	Nữ	ThS	Luật kinh tế

8	Phạm Thị Hồng Tâm	12/02/1993	Nữ	NCS. ThS	Luật kinh tế
9	Nguyễn Thị Thanh Thúy	05/01/1980	Nữ	ThS	Luật kinh tế
Ngành Luật					
1	Đoàn Năng	12/09/1952	Nam	PGS.TS	Luật
2	Võ Thị Dung	08/03/1945	Nữ	TS	Luật
3	Trần Văn Biên	15/05/1979	Nam	TS	Luật
4	Đào Bảo Ngọc	06/09/1977	Nữ	TS	Luật
5	Lê Hoàng Tấn	27/03/1968	Nam	TS	Luật
6	Nguyễn Vũ Hà My	06/06/1989	Nữ	ThS	Luật
7	Phạm Minh Gia Ý	19/09/1998	Nữ	ThS	Luật
8	Nguyễn Ngọc Minh	24/09/1981	Nữ	ThS	Luật
9	Vương Đình Nguyên Hằng	12/04/1987	Nữ	ThS	Luật
10	Nguyễn Duy Xuân	10/08/1983	Nam	NCS. ThS	Luật
11	Đinh Đình Phú Đức	16/07/1989	Nam	ThS	Luật
12	Nguyễn Thị Kim Quyên	17/08/1997	Nữ	ThS	Luật
Ngành Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng					
1	Nguyễn Phúc Khanh	17/12/1953	Nam	PGS.TS	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng
2	Lê Văn Bảy	01/06/1954	Nam	TS	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng
3	Đinh Phi Hổ	17/07/1957	Nam	PGS.TS	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng

4	Đỗ Văn Thành	02/02/1946	Nam	PGS.TS	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng
5	Bùi Quang Minh	01/04/1977	Nam	TS	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng
6	Nguyễn Ngọc Hoa Kỳ	22/09/1989	Nữ	ThS	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng
7	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	19/11/1985	Nữ	ThS	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng
8	Nguyễn Thị Thanh Diễm	17/05/1991	Nữ	ThS	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng
9	Nguyễn Phước Tài	20/11/1989	Nam	ThS	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng
Ngành Kỹ thuật ô tô					
1	Vũ Kế Hoạch	08/10/1957	Nam	TS	Kỹ thuật ô tô
2	Trần Thị Thanh	22/05/1957	Nữ	PSG.TS	Kỹ thuật ô tô
3	Nguyễn Như Nam	01/01/1954	Nam	TS	Kỹ thuật ô tô
4	Nguyễn Tấn Ý	10/08/1988	Nam	TS	Kỹ thuật ô tô
5	Nguyễn Minh Tâm	21/03/1983	Nam	TS	Kỹ thuật ô tô
6	Đào Vĩnh Hưng	26/07/1986	Nam	ThS	Kỹ thuật ô tô
7	Đào Vĩnh Hiến	30/10/1988	Nam	ThS	Kỹ thuật ô tô
8	Hứa Thành Luân	14/04/1991	Nam	ThS	Kỹ thuật ô tô
9	Phùng Tấn Đức	10/06/1990	Nam	CN	Kỹ thuật ô tô
10	Trần Duy Lân	11/02/1995	Nam	CN	Kỹ thuật ô tô
11	Nguyễn Thụy Thùy Nguyên	26/08/1987	Nữ	CN	Kỹ thuật ô tô
12	Trương Văn Tâm	05/02/2002	Nam	CN	Kỹ thuật ô tô
13	Dương Tấn Mạnh	16/08/2002	Nam	CN	Kỹ thuật ô tô

Ngành Kỹ thuật cơ khí					
1	Hồ Trung Phước	04/12/1960	Nam	TS	Kỹ thuật cơ khí
2	Phan Thế Nhân	15/04/1979	Nam	TS	Kỹ thuật cơ khí
3	Trần Thị Thanh	22/05/1957	Nữ	PGS.TS	Kỹ thuật cơ khí
4	Nguyễn Như Nam	01/01/1954	Nam	TS	Kỹ thuật cơ khí
5	Nguyễn Tấn Ý	10/08/1988	Nam	TS	Kỹ thuật cơ khí
6	Lý Ngọc Thông	26/07/1984	Nam	ThS	Kỹ thuật cơ khí
7	Tù Sùng Lêng	05/06/2001	Nam	CN	Kỹ thuật cơ khí
Ngành Kỹ thuật xây dựng					
1	Nguyễn Hữu Lân	04/10/1950	Nam	PGS.TS	Kỹ thuật xây dựng
2	Phạm Quốc Trường	04/02/1970	Nam	TS	Kỹ thuật xây dựng
3	Vũ Kế Hoạch	08/10/1957	Nam	TS	Kỹ thuật xây dựng
4	Nguyễn Tấn Ý	10/08/1988	Nam	TS	Kỹ thuật xây dựng
5	Nguyễn Duy Tài	22/01/1978	Nam	TS	Kỹ thuật xây dựng
6	Lê Thị Bích Châu	23/02/1980	Nữ	ThS	Kỹ thuật xây dựng
7	Phan Trần Ngọc Diễm	15/02/1991	Nữ	ThS	Kỹ thuật xây dựng
8	Nguyễn Hữu Hoài Chương	18/10/1986	Nam	ThS	Kỹ thuật xây dựng
9	Bạch Tấn Hiệp	26/07/1995	Nam	ThS	Kỹ thuật xây dựng
10	Trần Văn Vinh	11/09/1994	Nam	CN	Kỹ thuật xây dựng
Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học					
1	Nguyễn Văn Thành	11/10/1963	Nam	Chuyên khoa cấp II	Kỹ thuật xét nghiệm y học

2	Nguyễn Văn Nhơn	25/6/1958	Nam	Chuyên khoa cấp I	Kỹ thuật xét nghiệm y học
3	Nguyễn Thị Ngọc Lan	21/04/1956	Nữ	TS	Kỹ thuật xét nghiệm y học
4	Trần Tình	15/10/1974	Nam	TS	Kỹ thuật xét nghiệm y học
5	Nguyễn Minh Tâm	21/03/1983	Nam	TS	Kỹ thuật ô tô
6	Trần Viết Lãm	18/07/1990	Nam	ThS	Kỹ thuật xét nghiệm y học
7	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	29/11/1981	Nữ	ThS	Kỹ thuật xét nghiệm y học
8	Nguyễn Văn Năm	02/03/1963	Nam	ThS	Kỹ thuật xét nghiệm y học
9	Trương Thị Ánh Tuyết	12/12/1968	Nữ	ThS	Kỹ thuật xét nghiệm y học
10	Nguyễn Văn Hưng	14/04/1991	Nam	ThS	Kỹ thuật xét nghiệm y học
11	Lê Việt Kỳ	26/07/1987	Nam	ThS	Kỹ thuật xét nghiệm y học
12	Tống Minh Phi	19/12/1989	Nam	ThS	Kỹ thuật xét nghiệm y học
Ngành Ngôn ngữ Anh					
1	Lê Đình Tường	06/01/1952	Nam	PGS.TS	Ngôn ngữ Anh
2	Trịnh Thanh Toản	21/02/1960	Nam	TS	Ngôn ngữ Anh
3	Lý Thị Thu Thủy	14/01/1954	Nữ	TS	Ngôn ngữ Anh
4	Trần Thị Quỳnh Lê	10/06/1969	Nữ	TS	Ngôn ngữ Anh
5	Lý Thị Mỹ Hạnh	06/06/1963	Nữ	TS	Ngôn ngữ Anh

6	Phan Thị Huyền Trang	23/12/1985	Nữ	TS	Ngôn ngữ Anh
7	Từ Thị Tuyết Vy	31/07/1991	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
8	Phạm Quỳnh Hoa	15/05/1970	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
9	Phan Gia Thịnh	27/01/1990	Nam	ThS	Ngôn ngữ Anh
10	Tống Thị Trương Nhung	25/04/1993	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
11	Nguyễn Lê Uyên Minh	14/02/1986	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
12	Bùi Thị Ngọc Lan	01/04/1958	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
13	Nguyễn Thị Tường Vi	15/07/1994	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
14	Phạm Thị Thu Thảo	05/08/1968	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
15	Trần Xuân Hải	28/07/1981	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
16	Trần Ái Thuận	12/01/1993	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
17	Huỳnh Thị Nhã Nhã	27/04/1996	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
18	Nguyễn Hoài Ân	27/10/1997	Nữ	ThS	Ngôn ngữ Anh
19	Võ Đức Khang	20/4/2000	Nam	ThS	Ngôn ngữ Anh
Ngành Truyền thông đa phương tiện					
1	Phạm Thị Minh Hạnh	06/03/1965	Nữ	TS	Truyền thông đa phương tiện
2	Nguyễn Duy Tài	22/01/1978	Nam	TS	Truyền thông đa phương tiện
3	Trần Thị Quỳnh Lê	10/06/1969	Nữ	TS	Truyền thông đa phương tiện
4	Lương Thị Sao Băng	12/03/1976	Nữ	TS	Truyền thông đa phương tiện

5	Võ Thị Dung	08/03/1945	Nữ	TS	Truyền thông đa phương tiện
6	Phạm Tấn Hùng	04/01/1972	Nam	ThS	Truyền thông đa phương tiện
7	Dương Duy Lai	19/02/1981	Nam	ThS	Truyền thông đa phương tiện
8	Nguyễn Minh Hải	15/05/1978	Nam	ThS	Truyền thông đa phương tiện
9	Đặng Minh Nguyệt	11/10/1982	Nữ	ThS	Truyền thông đa phương tiện
10	Võ Thị An Nhi	01/04/1992	Nữ	ThS	Truyền thông đa phương tiện

c. Số lượng giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng

- Số lượng giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo

STT	Nội dung	Số lượng
1	Đào tạo tiến sĩ	7
2	Đào tạo thạc sĩ	18
3	Đào tạo văn bằng 2	11
4	Đào tạo bếp trưởng	01

- Số lượng giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên được bồi dưỡng, tập huấn

Đối tượng	Số lượng
Cán bộ quản lý	48
Giảng viên	26
Nhân viên	23

4. Thông tin về cơ sở vật chất dùng chung

a. Danh mục các khuôn viên, địa điểm đào tạo; thông tin về diện tích đất, địa chỉ, mục đích sử dụng chính (đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ,...)

STT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m^2)	Diện tích sàn (m^2)

1	Trụ sở chính	225 Nguyễn Thông, P.Phú Hài, Tp.Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	119.875,9 m^2	13.961 m^2
		Tổng cộng	119.875,9 m^2	13.961 m^2

b. Danh mục các công trình xây dựng (hội trường, tòa giảng đường, ký túc xá, thư viện, trung tâm học liệu; tòa nhà làm việc,...) các hạng mục cơ sở vật chất; thông tin về khuôn viên, diện tích sàn xây dựng, diện tích sàn sử dụng cho đào tạo, nghiên cứu và mục đích khác

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng
1	Hội trường, phòng học trên 200 chỗ	01	530 m^2
2	Phòng học 100 – 200 chỗ	10	1.356 m^2
3	Phòng học dưới 50 chỗ	09	876,11 m^2
4	Phòng thực hành máy tính	05	660 m^2
5	Phòng thực hành buồng	16	560 m^2
6	Phòng thực hành nhà hàng	01	230 m^2
7	Phòng thực hành bartender	01	45 m^2
8	Phòng thực hành bếp	01	65 m^2
9	Phòng sinh viên tự học	01	120 m^2
10	Thư viện	01	300 m^2
11	Sân thể thao ngoài trời		2.300 m^2
12	Ký túc xá		5.668,72 m^2

c. Thông tin về thư viện (không gian làm việc, phòng đọc,...); số đầu sách và số bản sách giáo trình, sách chuyên khảo.

- Tổng diện tích thư viện:300m^2
- Số lượng sách trong thư viện: 9.513

+ Tài liệu nội sinh: 658

+ Luận văn: 398

+ Đề tài NCKH: 260

- Số lượng máy tính: 11

- Số lượng chỗ ngồi: 100

5. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng

a. Kết quả tự đánh giá của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

https://upt.edu.vn/chuyen-muc/bao-cao-tu-danh-gia/

b. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cấp theo quy định pháp luật qua các mốc thời gian

https://upt.edu.vn/chuyen-muc/giay-chung-nhan-kdcl-csgd/

c. Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

https://dbcl.upt.edu.vn/vi/news/kh-kq-thuc-hien-ctcl-sau-danh-gia-ngoai-csgd-va-ctdt/

III. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Thông tin về kế hoạch tuyển sinh, tổ chức đào tạo hàng năm

- Các thông tin về kế hoạch tuyển sinh Đại học chính quy, VB2

https://lnk.ink/efWrV

- Tuyển sinh sau đại học

https://lnk.ink/XSaoG

2. Thông tin về kết quả tuyển sinh và đào tạo hàng năm

a. Quy mô đào tạo, số lượng nhập học mới và số lượng tốt nghiệp (Tính đến ngày 15/6/2025)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp
I	**Đại học**	**2217**	**749**	**401**
1	**Lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin**	234	75	21
1.1	Công nghệ thông tin	234	75	21
2.	**Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân**	**348**	**142**	**92**
2.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	85	35	20
2.2	Quản trị khách sạn	199	74	72
2.3	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	64	33	0
3	**Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý**	**614**	**186**	**169**
3.1	Quản trị kinh doanh	270	84	59
3.2	Kinh doanh quốc tế	1	0	17
3.3	Tài chính - Ngân hàng	104	38	24
3.4	Kế toán	239	64	69
4	**Lĩnh vực Pháp luật**	**164**	**67**	**24**
4.1	Luật	86	39	0
4.2	Luật kinh tế	78	28	24
5	**Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật**	**88**	**16**	**0**
5.1	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	61	16	0
5.2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	27	0	0
6	**Lĩnh vực Kỹ thuật**	**265**	**93**	**0**
6.1	Kỹ thuật ô tô	253	81	0
6.2	Kỹ thuật cơ khí	12	12	0
7	**Lĩnh vực Kiến trúc và xây dựng**	**54**	**13**	**0**
7.1	Kỹ thuật xây dựng	54	13	0
8	**Lĩnh vực sức khỏe**	55	18	0
8.1	Kỹ thuật xét nghiệm y học	55	18	0
9	**Lĩnh vực Nhân văn**	**366**	**139**	**95**
9.1	Ngôn ngữ Anh	356	139	95

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp
9.2	Ngôn ngữ Anh (đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên)	10	0	0
10	**Lĩnh vực Báo chí và thông tin**	**29**	**0**	**0**
10.1	Truyền thông đa phương tiện	29	0	0
II	**Thạc sĩ (và trình độ tương đương)**	71	49	99
1	**Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý**	28	20	50
1.1	Quản trị kinh doanh	28	20	50
2	**Lĩnh vực pháp luật**	31	17	23
2.1	Luật kinh tế	31	17	23
3	**Lĩnh vực Nhân văn**	12	12	26
3.1	Ngôn ngữ Anh	12	12	26

b. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	31.5%	29.14%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	11.8%	13.41%
3	Tỷ lệ thôi học	9.42%	10.23%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	14.37%	14.58%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	87.45%	81.50%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	64.61%	66.46%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	86%	87.4%
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	79.7%	79.7%
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	93.8%	90.6%

3. Thông tin kết quả hoạt động khoa học công nghệ trong năm

3.1. Danh mục dự án, đề tài hoặc nhiệm vụ khoa học công nghệ do cơ sở giáo dục chủ trì (tính đến ngày 23/6/2025)

STT	Tên dự án, đề tài, nhiện vụ	Cấp quản lý	Người tham gia	Thời gian thực hiện	Tóm tắt kết quả và sản phẩm đạt được
1	Dự án Hợp tác Quốc tế Việt-Bỉ 6.2 "Thiết lập chuỗi sản xuất bền vững nghề nuôi chim yến *Aerodramus fuciphagus* tại tỉnh Bình Thuận (Việt Nam): đánh giá nguồn thức ăn bổ sung mới liên quan đến chất lượng dinh dưỡng tổ yến sau thu hoạch"	Cấp Quốc tế	**Điều phối viên tại Bỉ:** GS,TS. Eric HAUBRUGE - Đại học Liège **Điều phối viên tại Việt Nam:** TS. Trần Tình - Trường Đại học Phan Thiết **Thành viên:** - PGS,TS. Võ Khắc Thường; - ThS. Giang Sỹ Chung; - ThS. Vũ Thụy Diễm Chi.	2022-2024	- Nuôi chim yến: đã thực hiện khảo sát để ghi lại thực trạng nghề nuôi chim yến của người nuôi yến tại Việt Nam; - Đa dạng sinh học côn trùng: đã tiến hành thu thập mẫu vật côn trùng để đánh giá mức độ đa dạng côn trùng ở môi trường gần nhà nuôi yến; - Chất lượng dinh dưỡng của tổ yến: đã tiến hành phân tích lý-hóa tổ yến để xác định thành phần, chất lượng tổ yến; - Chuẩn bị giai đoạn tiếp theo cho nghiên cứu sinh được đào tạo trong khuôn khổ Dự án.
2	Dự án Hợp tác Quốc tế Việt-Bỉ 5.2, giai đoạn 2025-2027 "Thiết lập ngành sản xuất tổ yến bền vững từ yến sào *Aerodramus*	Cấp Quốc tế	**Điều phối viên tại Bỉ:** GS,TS. Eric HAUBRUGE - Đại học Liège **Điều phối viên tại Việt Nam:**	2025-2027	Đang triển khai

STT	Tên dự án, đề tài, nhiện vụ	Cấp quản lý	Người tham gia	Thời gian thực hiện	Tóm tắt kết quả và sản phẩm đạt được
	fuciphagus tại tỉnh Bình Thuận"		TS. Trần Tình - Trường Đại học Phan Thiết **Thành viên:** - PGS,TS. Võ Khắc Thường; - TS. Nguyễn Phước Quý Quang; - ThS. Giang Sỹ Chung; - ThS. Vũ Thụy Diễm Chi.		
3	Nghiên cứu xây dựng chương trình học phần Giáo dục thể chất theo hệ thống tín chỉ cho sinh viên Trường Đại học Phan Thiết	Cấp trường	**Chủ nhiệm:** ThS. Phan Minh Mẫn **Thành viên:** Nguyễn Quang Trung	2024-2025	Đang triển khai
4	Các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	Cấp trường	**Chủ nhiệm:** ThS. Lê Thị Tú Trinh **Thành viên:** ThS. Nguyễn Thị Toàn	2024-2025	Đang triển khai

STT	Tên dự án, đề tài, nhiện vụ	Cấp quản lý	Người tham gia	Thời gian thực hiện	Tóm tắt kết quả và sản phẩm đạt được
5	Nghiên cứu đặc tính khí động học ô tô sử dụng mô phỏng dòng chảy (Computational Fluid Dynamics)	Cấp trường	**Chủ nhiệm:** KS. Trần Duy Lân **Thành viên:** - TS. Nguyễn Tấn Ý; - KS. Phùng Tấn Đức; - KS. Dương Tấn Mạnh; - KS. Nguyễn Thụy Thùy Nguyên; - KS. Trương Văn Tâm.	2024-2025	Đang triển khai
6	Tác động trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đến hiệu quả hoạt động bệnh viện với yếu tố trung gian Danh tiếng và Lòng trung thành bệnh nhân: Trường hợp nghiên cứu tại Bệnh viện Đa Khoa An Phước, tỉnh Bình Thuận	Cấp trường	**Chủ nhiệm:** PGS,TS. Đinh Phi Hổ **Thành viên:** - ThS. Võ Thị An Nhi; - ThS. Nguyễn Xuân Viễn; - BS,CKI. Phan Ngọc Hùng; - BS,CKII. Lê Văn Anh; - ThS,BS. Phan Hoàng Mẫn Đạt; - TS. Bùi Quang Minh; - ThS. Đinh Nguyệt Bích.	2024-2025	Đang triển khai

STT	Tên dự án, đề tài, nhiện vụ	Cấp quản lý	Người tham gia	Thời gian thực hiện	Tóm tắt kết quả và sản phẩm đạt được
7	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến đạo đức nghề nghiệp của kế toán viên tại tỉnh Bình Thuận	Cấp trường	**Chủ nhiệm:** ThS. Nguyễn Thị Thảo **Thành viên:** -TS. Nguyễn Hữu Quyền -ThS. Lê Thị Tú Trinh -ThS. Bùi Thị Nhân	2025-2026	Đang triển khai
8	Phổ biến, giáo dục pháp luật về biển, đảo đến sinh viên Trường Đại học Phan Thiết	Cấp trường	**Chủ nhiệm:** NCS,ThS. Nguyễn Duy Xuân **Thành viên:** - SV. Nguyễn Minh Sơn - SV. Lê Minh Anh Đạt - SV. Hà Bảo Trân	2025-2026	Đang triển khai
9	Xây dựng ứng dụng "Hỗ trợ phụ huynh tra cứu tình hình học tập của sinh viên"	Cấp sinh viên	**Chủ nhiệm:** SV. Nguyễn Minh Tuấn **Thành viên:** - SV. Hồ Anh Tú; - SV. Ngô Thanh Cảnh; **Giảng viên hướng dẫn:** - TS. Nguyễn Quang Tấn; - ThS. Lê Thanh.	2024-2025	Đang triển khai

STT	Tên dự án, đề tài, nhiện vụ	Cấp quản lý	Người tham gia	Thời gian thực hiện	Tóm tắt kết quả và sản phẩm đạt được
10	Xây dựng ứng dụng di động "Sổ tay điện tử hỗ trợ tân sinh viên ĐHPT-UPT Connect"	Cấp sinh viên	**Chủ nhiệm:** SV. Đào Dương Thắng **Giảng viên hướng dẫn:** - TS. Nguyễn Quang Tấn; - ThS. Lê Thanh.	2024-2025	Đang triển khai

3.2. Các công trình khoa học khác

Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường đã công bố 45 bài báo trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước; 10 bài báo trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế (trong đó có 06 bài đăng tạp chí khoa học xếp hạng ISI/Scopus).

HIỆU TRƯỞNG
(ký tên và đóng dấu)

(Đã ký)

PGS.TS Võ Khắc Thường